

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 839/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Anh.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Từ Ngọc Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 294/2025/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2025, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 901/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 728/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T; sinh ngày: 01/01/1988. Địa chỉ thường trú: tổ 5, ấp RS II, xã PĐ, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (nay là xã VP, tỉnh An Giang).

CCCD số: 091088006xxx, ngày cấp: 29/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Diệu H; sinh ngày: 01/01/1985. Địa chỉ thường trú: tổ 5, ấp RS II, xã PĐ, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (nay là xã VP, tỉnh An Giang); tạm trú: 68/2A Đường số 1, phường TTA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường TT, Thành phố Hồ Chí Minh).

CCCD số: 084185010xxx, ngày cấp, nơi cấp: không rõ.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/Nguyên đơn – Ông Trần Văn T trình bày như sau:

Ông T và Bà Đặng Thị Diệu H có thời gian tìm hiểu mới tự nguyện tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (nay là phường VP, tỉnh An Giang) vào ngày 18/4/2017.

Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Giữa mẹ chồng và nàng dâu luôn xảy ra cự cãi, ngoài ra bà H cũng có mâu thuẫn với con riêng của ông cho nên mâu thuẫn ngày càng nhiều, nên không còn tình cảm với nhau. Hiện nay hai người đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay ông không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông T và bà H có 01 (một) con chung tên Trần Huỳnh Đ, sinh ngày: 17/01/2017. Hiện trẻ Đ đang sống chung với ông nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Đ. Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/Bị đơn – Bà Đặng Thị Diệu H vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao con chung là trẻ Trần Huỳnh Đ cho Ông Trần Văn T nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung, nợ chung: các đương sự cùng khai không có và yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn – Ông Trần Văn T có yêu cầu ly hôn với bị đơn – Bà Đặng Thị Diệu H nên đây là tranh chấp ly hôn; bà H cư trú tại phường TT, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 25/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 18/4/2017 do Ủy ban nhân dân xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Vĩnh Phong, tỉnh An Giang) cấp xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về yêu cầu ly hôn: Ông T yêu cầu được ly hôn với bà H vì cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa hai người không có tiếng nói chung, không hoà hợp nên mâu thuẫn giữa hai người phát sinh. Hai người đã sống ly thân với nhau 01 năm nay. Nay, ông T xác định không còn tình cảm gì với bà H nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Bà H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của ông T và đã được triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng bà H không đến Tòa, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh mâu thuẫn giữa ông T và bà H tại địa phương nơi hai người đang cư trú. Kết quả xác minh do Ủy ban nhân dân phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thể hiện tình trạng hôn nhân giữa Ông Trần Văn T và Bà Đặng Thị Diệu H, hiện hai người không còn sống chung với nhau. Địa phương không nắm nguyên nhân tranh chấp mâu thuẫn giữa Ông Trần Văn T và bà Đặng Thị Diệu. Mặt khác, thông qua lời khai của ông T cho thấy giữa hai người đã không còn tiếng nói chung, không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn đã làm cho hai người sống ly thân thời gian dài. Thời gian ly thân giữa hai người đã lâu nhưng không ai chủ động hàn gắn hạnh phúc. Cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa hai người đã không còn tiếng nói chung, hôn nhân giữa đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc đoàn tụ và hàn gắn tình cảm giữa hai người là khó thực hiện. Do đó, việc giải quyết ly hôn là cần thiết, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[4] Về con chung: Ông T và bà H có 01 (một) con chung tên Trần Huỳnh Đ, sinh ngày: 17/01/2017. Hiện trẻ Đ đang sống chung với ông T và ông có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Đ. Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo về mọi mặt cho trẻ. Trẻ Đ đang sống cùng ông T để ổn định chỗ học hành, chỗ ở của trẻ Đ nên giao con cho ông T tiếp tục được nuôi dưỡng trẻ Đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Dương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng do Ông Trần Văn T phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0076895 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh). Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết về việc hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Trần Văn T đối với Bà Đặng Thị Diệu H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 18/4/2017 do Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (nay là xã VP, tỉnh An Giang) cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Trần Văn T và Bà Đặng Thị Diệu H có 01 (một) con chung tên Trần Huỳnh Đ, sinh ngày: 17/01/2017. Giao trẻ Đ cho ông T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Trần Văn T về việc không yêu cầu Bà Đặng Thị Diệu H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do Ông Trần Văn T phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0076895 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Trần Văn T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9-TP.Hồ Chí Minh;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- UBND X.Vĩnh Phong, T.An Giang ;
- Đường sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đoàn Thị Lệ Hoa**